

Công tác chính trị tư tưởng trên chiến trường Nam Bộ trong giai đoạn đầu của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954-1960)

Nguyễn Thị Phương*



Use your smartphone to scan this QR code and download this article

TÓM TẮT

Công tác chính trị tư tưởng là một bộ phận hợp thành trong hoạt động lãnh đạo của tổ chức đảng, của chính quyền và các tổ chức đoàn thể trong hệ thống chính trị; là hoạt động liên quan đến bảo vệ, phát triển, truyền bá hệ tư tưởng và các chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước đến đồng bào quần chúng nhân dân; góp phần nâng cao ý thức giác ngộ, nhận thức chính trị của quần chúng cũng như hướng đến sự thống nhất, đoàn kết trong và ngoài Đảng, bảo đảm thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ cách mạng. Bài viết tập trung làm rõ vai trò và tác động của công tác chính trị tư tưởng ở chiến trường Nam Bộ trong giai đoạn đầu của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954-1960) - một giai đoạn đặc biệt khó khăn, thử thách cả về chiến lược, lực lượng và niềm tin. Trong bối cảnh đó, công tác chính trị tư tưởng không chỉ giữ vai trò định hướng về mặt tư tưởng, mà còn là phương tiện tổ chức hành động cách mạng trong thực tiễn, kịp thời cổ vũ, động viên tinh thần quần chúng và góp phần củng cố khối đoàn kết giữa các tầng lớp nhân dân, tạo nên sức mạnh tổng hợp cho sự nghiệp cách mạng. Nội dung bài viết được thể hiện qua ba luận điểm chính:

Thứ nhất, khái quát về thực tiễn chiến trường Nam Bộ trong những ngày đầu của cuộc kháng chiến chống Mỹ và yêu cầu đặt ra đối với công tác chính trị tư tưởng.

Thứ hai, làm rõ vai trò của công tác chính trị tư tưởng nhằm động viên quân, dân, chính, đảng thực hiện 3 nhiệm vụ cơ bản trong giai đoạn đầu của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước gồm: chuyển quân - tập kết; xây dựng lực lượng vũ trang; xây dựng nền kinh tế kháng chiến.

Thứ ba, đánh giá những thành công, hạn chế của công tác chính trị tư tưởng của quân, dân, chính, đảng ở Nam Bộ trong giai đoạn đầu của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954-1960).

Từ khóa: công tác chính trị tư tưởng của Đảng Lao động Việt Nam, miền Nam Việt Nam, cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM, Việt Nam

Liên hệ

Nguyễn Thị Phương, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM, Việt Nam

Email: nguyenphuong@hcmussh.edu.vn

Lịch sử

- Ngày nhận: 05-03-2025
- Ngày sửa đổi: 13-08-2025
- Ngày chấp nhận: 05-11-2025
- Ngày đăng: 16-06-2026

DOI:

<https://doi.org/10.32508/vnuhcmjssh.v10i2.1130>



Bản quyền

© ĐHQG Tp.HCM. Đây là bài báo công bố mở được phát hành theo các điều khoản của the Creative Commons Attribution 4.0 International license.



ĐẶT VẤN ĐỀ

Tháng 7 năm 1954, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam (khóa II) đã tổ chức Hội nghị lần thứ sáu nhằm phân tích tình hình cách mạng miền Nam sau khi Hiệp định Genève được ký kết. Hội nghị xác định rõ rằng: “Đế quốc Mỹ là kẻ thù chính trực tiếp của nhân dân Đông Dương” [1, tr.225]. Tiếp đó, ngày 6 tháng 9 năm 1954, Bộ Chính trị ban hành Chỉ thị để ra phương hướng, nhiệm vụ cho cách mạng miền Nam, đặc biệt là ở Nam Bộ, trong giai đoạn mới. Chỉ thị nhấn mạnh các nhiệm vụ trọng tâm, bao gồm: thực hiện nghiêm túc các điều khoản của Hiệp định Genève; tổ chức chuyển quân và tập kết lực lượng; phát động phong trào đấu tranh chính trị đòi thi hành hiệp định, giữ gìn hòa bình, tiến tới tổng tuyển cử thống nhất đất nước; kiên quyết chống lại các chính sách khủng bố như “tố cộng - diệt cộng”. Đồng thời, Chỉ thị yêu cầu củng cố và phát triển lực lượng cách mạng, xây dựng căn cứ địa, đẩy mạnh phát triển kinh

tế cách mạng và thiết lập hệ thống hậu cần, tạo tiền đề cho cuộc kháng chiến lâu dài về sau.

Để đạt được mục tiêu trên, công tác chính trị tư tưởng trở nên vô cùng quan trọng. Cần phải làm sao để nhân dân miền Nam nhận thức rõ âm mưu của Mỹ và chính quyền Việt Nam Cộng hòa, hiểu đường lối cách mạng của Đảng trong giai đoạn mới và giúp quân, dân, chính, đảng vượt qua khó khăn, gian khổ để hoàn thành nhiệm vụ. Bài viết hướng tới làm rõ công tác chính trị tư tưởng của Đảng trên chiến trường Nam Bộ trong giai đoạn đầu của cuộc kháng chiến chống Mỹ, thông qua ba nội dung chính: (1) Chuyển quân và tập kết; (2) Xây dựng lực lượng vũ trang; (3) Xây dựng nền kinh tế kháng chiến.

NỘI DUNG CHÍNH

Trích dẫn bài báo này: Phương N T. Công tác chính trị tư tưởng trên chiến trường Nam Bộ trong giai đoạn đầu của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954-1960). *VNUHCMJ. Soc. Sci. Humanit.* 2026; 10(2):3690-3698.

Thực tiễn chiến trường Nam Bộ trong những ngày đầu của cuộc kháng chiến chống Mỹ và yêu cầu đặt ra đối với công tác chính trị tư tưởng

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ (ngày 7 tháng 5 năm 1954), Hiệp định Ge ève được ký kết, hòa bình được thiết lập trên toàn bộ bán đảo Đông Dương. Tại Việt Nam, vĩ tuyến 17 được chọn làm giới tuyến quân sự tạm thời cho lực lượng hai bên tham chiến chuyển quân, tập kết, chuyển giao khu vực, tiến tới tổ chức tổng tuyển cử trong vòng hai năm (từ tháng 7 năm 1954 đến tháng 7 năm 1956) nhằm thống nhất đất nước bằng con đường hòa bình.

Tuy nhiên, trong khi phía Việt Nam Dân chủ Cộng hòa nghiêm túc thực hiện các điều khoản của Hiệp định đã được ký kết, thì Mỹ và chính quyền Sài Gòn lại ra sức phá hoại Hiệp định, lấy vĩ tuyến 17 lập một phòng tuyến quân sự nhằm ngăn cản lực lượng cách mạng tiến vào miền Nam. Đồng thời, Mỹ từng bước dựng lên chính quyền tay sai - Việt Nam Cộng hòa với mục tiêu xây dựng một bộ máy nhà nước mạnh, sở hữu quân đội được huấn luyện và trang bị hiện đại, nhằm đối phó với lực lượng cộng sản và duy trì trật tự theo định hướng chống cộng ở miền Nam Việt Nam. Dưới sự bảo trợ của Mỹ, từ năm 1955, sau khi lần lượt loại bỏ các thế lực thân Pháp, các giáo phái chống đối, Việt Nam Cộng hòa tiến hành “chiến dịch tố - cộng diệt cộng”^a bắt giữ, giết hại những người yêu nước; đồng thời thực hiện chương trình xây dựng các khu dinh điền, khu trù mật trên toàn miền Nam với mục tiêu quản lý dân, truy tìm những người chống đối, những người yêu nước theo phương thức “tát nước bắt cá”.

Theo số liệu thống kê từ báo cáo kỷ niệm “Đệ tứ chu niên chấp chính của Tổng thống Ngô Đình Diệm”, đến ngày 26 tháng 10 năm 1958, chính phủ Việt Nam Cộng hòa đã bắt giam, giết hại hoặc quản thúc tổng cộng 13.382.484 người². Tác giả Avro Manhattan, trong tác phẩm *Vietnam: Why Did We Go?*, ghi nhận rằng trong giai đoạn từ năm 1955 đến năm 1960, khi diễn ra các chiến dịch khủng bố, “ít nhất 24.000 người bị thương, 80.000 người bị hành quyết hoặc sát hại, 275.000 người bị giam giữ và thẩm vấn và khoảng 500.000 người bị đưa vào các trại tập trung hoặc trại giam”³, tr.89].

Trước thực trạng đó, đặc biệt là ở miền Nam và vùng Nam Bộ, nhân dân đã phải sống trong hoàn cảnh vô cùng áp bức, chịu đựng một chế độ đầy khắc nghiệt dưới chiến dịch “tố cộng, diệt cộng” được ví như sống

^aChiến dịch tố cộng diệt cộng được chính phủ Ngô Đình Diệm thực hiện trong hai giai đoạn chính: giai đoạn đầu kéo dài từ tháng 5 năm 1955 đến tháng 6 năm 1956, và giai đoạn thứ hai tiếp nối từ tháng 6 năm 1956 đến tháng 4 năm 1958.

trong “địa ngục”. Trước sự đàn áp tàn bạo của chế độ Ngô Đình Diệm và sự can thiệp của đế quốc Mỹ, nhân dân miền Nam không còn con đường nào khác ngoài việc đứng lên đấu tranh, khởi nghĩa nhằm bảo vệ chính mình, lật đổ chính quyền Sài Gòn, giải phóng miền Nam và thống nhất đất nước. Đảng Cộng sản Việt Nam đã khẳng định trong đường lối cách mạng miền Nam rằng: “Muốn chống lại Mỹ - Diệm, ngoài con đường cách mạng nhân dân miền Nam không có con đường nào khác”⁴, tr.578].

Như vậy, trong giai đoạn đầu của cuộc kháng chiến chống Mỹ, các nhiệm vụ cơ bản mà quân, dân, chính, đảng phải thực hiện là: chuyển quân, tập kết; xây dựng lực lượng vũ trang; xây dựng nền kinh tế kháng chiến. Trước áp lực đa chiều từ kẻ thù, công tác chính trị tư tưởng trở nên đặc biệt quan trọng, đóng vai trò then chốt giúp quân, dân, chính quyền và Đảng giữ vững niềm tin, củng cố ý chí quyết tâm chiến đấu, bảo vệ vững chắc Tổ quốc.

Công tác chính trị tư tưởng trên chiến trường Nam Bộ trong những năm đầu kháng chiến chống Mỹ

Đối với công tác chuyển quân, tập kết

Sau khi Hiệp định Ge ève được ký kết, Đảng Lao động Việt Nam chỉ rõ: “Nhiệm vụ của Đảng, quân đội và nhân dân ta trong toàn quốc là gây mọi điều kiện thuận lợi để thi hành đúng Hiệp định đình chiến”¹, tr.251] trong đó nhiệm vụ đầu tiên là chuyển quân, tập kết, chuyển giao khu vực.

Thực hiện chủ trương trên, khoảng gần 140.000 chiến sĩ, cán bộ và con em gia đình cách mạng miền Nam¹, tr.259] được lựa chọn tập kết ra miền Bắc và khoảng 60.365 đảng viên, cán bộ, chiến sĩ trung kiên được chọn ở lại chiến trường miền Nam làm hạt nhân xây dựng phát triển tổ chức, lãnh đạo nhân dân đấu tranh đòi Mỹ và chính quyền Việt Nam Cộng hòa thực hiện Hiệp định Ge ève. Nhưng tại sao “người này” được lựa chọn đi tập kết, “người kia” lại không? Chủ trương của Đảng không đơn thuần là việc chuyển quân, tập kết thực hiện điều khoản của Hiệp định Ge ève mà còn là công tác chuẩn bị nhân sự, lực lượng cho công cuộc xây dựng Chủ nghĩa Xã hội ở miền Bắc và cho cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam.

Để chủ trương của Đảng thấm sâu vào quần chúng, Trung ương Cục miền Nam chỉ rõ: Cuộc chuyển quân ra Bắc lại là một cuộc chuyển quân quy mô, cán bộ và chiến sĩ chưa quen. Để đạt được đầy đủ ý nghĩa của việc chuyển quân, đảm bảo cho việc chuyển quân thắng lợi, vấn đề căn bản là phải tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, thực hiện tốt công tác chính trị tư tưởng⁴, tr.25].

Thực hiện chủ trương của Đảng, Trung ương Cục miền Nam, tại Nam Bộ, tổ chức đảng, chính quyền, quân đội các cấp khẩn trương tiến hành lựa chọn các đối tượng đi tập kết, đối tượng ở lại làm hạt nhân lãnh đạo các phong trào đấu tranh chính trị, xây dựng các cơ sở cách mạng, bảo mật, phòng gian, chôn giấu vũ khí, giữ gìn an ninh, đặc biệt là khẩn trương tiến hành công tác chính trị tư tưởng cho những người đi tập kết và những người ở lại.

Tại các tỉnh ở Nam Bộ, công tác chính trị tư tưởng được các tổ chức đảng, chính quyền địa phương các cấp tiến hành khẩn trương. Nội dung là tuyên truyền đường lối cách mạng của Đảng, giải thích mục đích của việc chuyển quân tập kết, những người được chọn đi, những người được chọn ở lại với tinh thần “đi vinh quang, ở anh dũng”. Trong điện gửi các cán bộ, chiến sĩ đang tập kết tại vùng Đồng Tháp Mười, Trung ương Cục miền Nam đã nhấn mạnh những nhiệm vụ trọng tâm như: “Nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, nâng cao ý chí phấn đấu, chống tư tưởng cầu an hưởng lạc; Rèn luyện tư tưởng phục vụ nhân dân vô điều kiện, hiểu rõ khó khăn của miền Bắc mới giải phóng, chống tư tưởng tự cao tự đại rồi đâm ra bất mãn khi gặp thiếu thốn; Tuyệt đối tin tưởng Hồ Chủ tịch, Đảng và Chính phủ để cao ý thức tổ chức và kỷ luật” [4, tr.8].

Đối với những người được chọn ở lại, dù được sống gần nhà, nhưng họ phải sống “trà trộn” với kẻ thù để tiếp tục cuộc đấu tranh chính trị đòi hòa bình, đòi thi hành hiệp định, đòi tổng tuyển cử thống nhất đất nước; chiến đấu trên chiến trường miền Đông, miền Trung, miền Tây, vùng ven sau lưng địch hay hoạt động ngay tại vùng địch hậu trong nội đô Sài Gòn - Gia Định. Tất cả hoạt động này đều khó khăn, gian khổ. Trong bối cảnh đó, công tác chính trị tư tưởng của các tổ chức đảng, của chính quyền địa phương các cấp đã làm cho quân, dân, chính đảng hiểu rõ việc đi tập kết ra Bắc hay ở lại miền Nam đều là nhiệm vụ cách mạng khó khăn mà Đảng và nhân dân tin tưởng, giao phó. Bằng các hình thức tuyên truyền, động viên, công tác tư tưởng đã giúp người đi, người ở lại đều thông suốt, vui vẻ, sẵn sàng nhận nhiệm vụ, đối mặt với khó khăn, thử thách để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Trung ương Cục miền Nam đánh giá, tổ chức đảng, chính quyền, quân đội ở các địa phương đã thực hiện tốt công tác chính trị, tư tưởng, nên “tất cả cán bộ, chiến sĩ, nhân viên đều đã được học tập, nâng cao tư tưởng và nhận thức, hiểu được nhiệm vụ, vui vẻ phấn khởi đi tập kết” [4, tr.25]. Do làm tốt công tác chính trị tư tưởng nên trong thời hạn 300 ngày [1, tr.251], công tác tập kết, chuyển quân, chuyển giao khu vực, ở Hàm Tân (Bình Thuận), Xuyên Mộc Bà Rịa (80 ngày), ở Cao

Lãnh, Đồng Tháp Mười (100 ngày), ở Chác Bông, Cà Mau (200 ngày) diễn ra đúng hoặc sớm hơn thời hạn đã định. Đặc biệt, những ngày chuyển quân tập kết ra miền Bắc nói trên diễn ra với không khí như những “ngày hội” của quân dân Nam Bộ, đó là ngày hội của lời thề son sắt, thủy chung, quyết đấu tranh cho sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Đối với công tác xây dựng lực lượng vũ trang

Sau khi lực lượng cách mạng thực hiện việc chuyển quân, tập kết và chuyển giao địa bàn, nhiều cán bộ, đảng viên nòng cốt cùng những quần chúng yêu nước từng tham gia kháng chiến chống Pháp đã được cài cắm ở lại miền Nam. Tuy nhiên, họ nhanh chóng trở thành đối tượng bị chính quyền Sài Gòn truy bắt, đàn áp.

Trước tình hình đó, trên cơ sở lực lượng sẵn có gồm khoảng 25.000 du kích từng hoạt động trong kháng chiến chống Pháp, cùng với nhiều cán bộ quân sự được bố trí ở lại chiến trường và khoảng 10.000 khẩu súng các loại đã được chôn giấu trước khi tập kết, Bộ Chính trị vào năm 1956 đã ban hành Nghị quyết về tình hình, nhiệm vụ và công tác ở miền Nam, xác định rõ yêu cầu: “Cần củng cố lực lượng vũ trang và bán vũ trang hiện có”⁵.

Thực hiện chỉ đạo của Trung ương, các địa phương ở Nam Bộ đã bí mật tổ chức xây dựng lại lực lượng vũ trang cách mạng. Lực lượng này từng bước được hình thành ở các cấp: cấp xã (mỗi xã tổ chức từ tiểu đội đến trung đội), cấp huyện (từ trung đội đến đại đội), cấp tỉnh (từ đại đội đến tiểu đoàn) và cấp khu (từ tiểu đoàn đến trung đoàn). Đây là nền móng quan trọng cho sự phục hồi và phát triển của lực lượng vũ trang cách mạng miền Nam trong giai đoạn tiếp theo.

Bên cạnh đó, từ cuối năm 1955, cuộc thanh trừng của chính quyền Việt Nam Cộng hòa làm cho tàn quân của lực lượng vũ trang các giáo phái Cao Đài (khoảng 6.000 quân), Hòa Hảo (khoảng 25.000 quân), Bình Xuyên (khoảng 4.000 quân) tràn vào các căn cứ kháng chiến trên khắp cả chiến trường Nam Bộ. Lực lượng vũ trang các giáo phái có lập trường, tư tưởng và hoạt động khá phức tạp, do đó công tác chính trị tư tưởng đặt ra là làm sao thuyết phục, giác ngộ, chuyển hóa họ tham gia chống Mỹ, chống chính quyền Việt Nam Cộng hòa hoặc chí ít là để họ không đi ngược lại quyền lợi của nhân dân. Do vậy, từ năm 1956, Xứ ủy Nam Bộ chủ trương “đưa cán bộ vào hoạt động trong các giáo phái”, đồng thời cử “đồng chí Hai Văn, Phó bí thư Xứ ủy trực tiếp phụ trách”⁶.

Triển khai chỉ đạo của Xứ ủy, hơn 300 cán bộ cách mạng lần lượt được cài cắm vào lực lượng vũ trang các giáo phái Cao Đài, Hòa Hảo, Bình Xuyên, từng bước

giác ngộ, chuyển hóa nhận thức của các thành phần trong các lực lượng giáo phái, thuyết phục họ đứng về phía cách mạng, chống chính quyền Việt Nam Cộng Hòa thống nhất đất nước.

Ở Tây Nam Bộ, đến tháng 7 năm 1956, các đơn vị giáo phái gần như tan rã. Dưới tác động trực tiếp của công tác chính trị tư tưởng cách mạng, đại bộ phận binh lính Hòa Hảo lần lượt tham gia, hoặc thành lập các đơn vị vũ trang cách mạng chống Mỹ, Diệm. Trên cơ sở đó, hầu hết các tỉnh (trừ Trà Vinh) đều xây dựng được lực lượng vũ trang với 3 loại hình: “lực lượng vũ trang giáo phái ly khai”, “bộ đội liên quân giữa giáo phái và cách mạng”, “lực lượng vũ trang cách mạng mang danh nghĩa giáo phái”.

Ở Trung Nam Bộ, các tỉnh thành lập tổ chức Ủy ban Giáo phái và Tự vệ tạo điều kiện thuận lợi đẩy mạnh công tác chính trị tư tưởng, cảm hóa, thuyết phục lực lượng vũ trang của các giáo phái đứng về phía cách mạng. Đến năm 1957, lực lượng vũ trang Cao Đài, Hòa Hảo, Bình Xuyên hoàn toàn tan rã, đại bộ phận binh sĩ của các giáo phái đã tham gia thành lập nên lực lượng vũ trang cách mạng của các tỉnh, huyện.

Ở Đông Nam Bộ, dưới tác động mạnh mẽ của công tác chính trị tư tưởng cách mạng, đến năm 1957, lực lượng Cao Đài ly khai do Thiếu tá Lê Hoàng, Trung tá Võ Thanh Mừng lãnh đạo ở vùng chiến khu Dương Minh Châu và khoảng 2.000 quân Bình Xuyên dưới sự lãnh đạo của Trung tá Võ Văn Môn ở chiến khu Đ đã lần lượt tham gia các đơn vị vũ trang cách mạng, bổ sung cho các đơn vị vũ trang ở miền Đông Nam Bộ⁶.

Các đơn vị vũ trang Bình Xuyên, Cao Đài, Hòa Hảo ở Nam Bộ nói trên sau đó “Được chia tủa và củng cố lại, bổ sung thêm nhiều cán bộ chiến sĩ nòng cốt của địa phương, tổ chức thành đơn vị, để khuếch trương thanh thế, lấy mô hình tổ chức đại hội hoặc tiểu đoàn”⁷.

Giữa năm 1958, Xứ ủy thành lập Đảng ủy Quân sự và Bộ Tư lệnh Miền Đông Nam Bộ, đánh dấu lực lượng vũ trang ba thứ quân hình thành trên chiến trường Nam Bộ nhưng ở mức thấp. Đến năm 1960, lực lượng vũ trang cách mạng trên chiến trường Nam Bộ và cực Nam Trung Bộ lên tới con số 61.980 cán bộ chiến sĩ [6, tr.3], trong đó bộ đội chủ lực là 7.473 cán bộ chiến sĩ; bộ đội địa phương là 8.222 cán bộ chiến sĩ; dân quân du kích là 46.285 cán bộ chiến sĩ [6, tr.3].

Tháng 5 năm 1959, Ban Chấp hành Trung ương Đảng tổ chức Hội nghị lần thứ 15 nhận định: Mỹ và chính quyền Việt Nam Cộng hòa đã phá hoại Hiệp định Genève, do vậy cuộc Cách mạng Dân tộc Dân chủ Nhân dân ở miền Nam có khả năng chuyển thành cuộc chiến tranh cách mạng, đồng thời cho phép quân dân miền Nam tiến hành hoạt động vũ trang để hỗ

trợ phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng⁸. Tiếp đó, tại Hội nghị Xứ ủy Nam Bộ lần tư xác định nhiệm vụ cơ bản trước mắt của Đảng bộ Nam Bộ là: “Giữ vững và đẩy mạnh phong trào cách mạng quần chúng, lấy đấu tranh chính trị rộng khắp và mạnh mẽ của quần chúng làm chủ đạo, đồng thời kết hợp hoạt động vũ trang tuyên truyền nhằm chống lại các chính sách khủng bố, bóc lột, cướp nước, bán nước và gây chiến tranh xâm lược của chính quyền Mỹ - Diệm⁹. Quán triệt tinh thần Nghị quyết Trung ương lần thứ 15 và Nghị quyết Hội nghị Xứ ủy Nam Bộ lần thứ tư, các lực lượng quân, dân, chính, đảng ở các địa phương Nam Bộ đã tập trung kiện toàn tổ chức, thúc đẩy mạnh mẽ các hoạt động vũ trang nhằm hỗ trợ đắc lực cho phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng nhân dân. Trong đó, lực lượng vũ trang cách mạng đã linh hoạt vận dụng các hình thức vũ trang tuyên truyền và vũ trang tự vệ, nhiều khi hoạt động dưới danh nghĩa các giáo phái, để thực hiện những nhiệm vụ chiến lược như tiêu diệt các phần tử phản động, trấn áp ngụy quyền tay sai, bảo vệ cán bộ, cơ sở cách mạng và các cơ quan lãnh đạo quan trọng.

Có thể khẳng định, hoạt động kiên cường và sáng tạo của lực lượng vũ trang cách mạng ở miền Nam, đặc biệt là trên địa bàn Nam Bộ, đã góp phần quan trọng trong việc tạo lập thế trận chính trị, quân sự vững chắc, làm nền tảng cho phong trào Đồng Khởi bùng nổ vào năm 1960. Trong tiến trình đó, công tác chính trị tư tưởng dưới sự lãnh đạo trực tiếp và toàn diện của các tổ chức Đảng các cấp trên chiến trường đã giữ vai trò nòng cốt, góp phần củng cố niềm tin, khơi dậy ý chí đấu tranh cách mạng, qua đó tạo nên sức mạnh tổng hợp đưa phong trào đến thắng lợi.

Douglas Pike - nhà sử học người Mỹ đã nhận xét: “Chiến lược rộng rãi của phe Xã hội Chủ nghĩa chẳng có ý nghĩa gì đối với những chiến binh du kích đang bị truy lùng ở miền Nam. Chính trong bầu không khí đó, vào năm 1959, những phần tử có trách nhiệm của phong trào kháng chiến Cộng sản ở Đông Dương đã đi đến kết luận rằng họ phải hành động. Họ không thể tiếp tục đứng nhìn những người ủng hộ họ bị bắt, tống vào tù và tra tấn mà không cố gắng làm bất cứ điều gì với tư cách một tổ chức, không dẫn dắt người dân trong cuộc đấu tranh mà họ tham gia”¹⁰.

Đối với công tác xây dựng nền kinh tế kháng chiến

Từ sau khi Hiệp định Genève được ký kết, nhiệm vụ của công tác chính trị tư tưởng mà Xứ ủy Nam Bộ đặt ra là làm sao để nhân dân yên tâm làm ăn, khôi phục sản xuất, ổn định cuộc sống; làm sao để lực lượng vũ trang đẩy mạnh sản xuất tự túc, tự lực cánh sinh, tự lo vũ khí, lương thực, thuốc men.

Đối với nhân dân, sau khi hiệp định được ký kết, cùng với việc chuyển quân, tập kết, Xứ ủy chủ trương xóa bỏ các loại thuế, đồng thời cho nông dân mượn một triệu đồng bạc Việt Nam để phát triển sản xuất [11, tr.47]. Đặc biệt, Xứ ủy chỉ đạo: “Quân đội và chính quyền sắp tạm rút đi không phải vì đó mà ngưng hay lơ là việc lo cho dân. Trái lại chúng ta phải tranh thủ lo phục vụ gấp đôi gấp ba, còn làm được ngày nào thì làm tới ngày đó và ngay khi chính quyền, bộ đội đi rồi, Đảng sẽ còn tiếp tục nữa. Phải làm cho nhân dân thấy rằng chính quyền ta phục vụ nhân dân tới giờ chót và càng ngày càng phục vụ nhiều hơn” [4, tr.12]. Từ năm 1955, trước làn sóng khủng bố khốc liệt của chính quyền Ngô Đình Diệm thông qua chiến dịch “tố cộng, diệt cộng”, làn sóng người dân di cư vào vùng sâu, vùng xa và các khu căn cứ cách mạng ngày càng gia tăng. Nhiều làng xóm mới được hình thành, liên kết chặt chẽ với các căn cứ kháng chiến và cộng đồng cư dân ở các tỉnh cực Nam Trung Bộ. Trong bối cảnh đó, công tác chính trị tư tưởng được xác định là nhiệm vụ cấp thiết, tập trung vào việc động viên tinh thần quân và dân vượt qua khó khăn, đẩy mạnh tăng gia sản xuất nông nghiệp, thủ công nghiệp, mở rộng các hoạt động buôn bán, trao đổi hàng hóa với cư dân các vùng, kể cả vùng địch tạm chiếm và khu vực nội thành Sài Gòn - Chợ Lớn, nhằm phát triển kinh tế trên tinh thần “tự lực, tự cường”.

Trên khắp các tỉnh Nam Bộ, phong trào khai phá, phát triển kinh tế diễn ra sôi nổi. Nhân dân tích cực mở nương rẫy, trồng trọt, chăn nuôi, xây dựng các đồn điền cao su, sản xuất gạch ngói, khai thác lâm, hải sản. Mặc dù phải đối mặt với sự đàn áp liên tục từ chính quyền Sài Gòn, người dân vẫn hướng về lực lượng cách mạng, tích cực tham gia các phong trào ủng hộ, quyên góp vật chất. “Năm 1960, ngân sách của cách mạng đã thu được 79 triệu đồng (tiền Sài Gòn), trong đó riêng nhân dân đóng góp đến 65 triệu đồng” [11, tr.66] thể hiện sự gắn bó máu thịt giữa dân và cách mạng.

Đối với quân, chính, đảng, từ năm 1955, trên cơ sở lực lượng vũ trang cách mạng và các tổ chức chính trị - xã hội được khôi phục, thành lập, phát triển, hệ thống kinh tài kháng chiến được thành lập đều khắp, thông suốt từ Xứ ủy đến khu, tỉnh, huyện. Sang năm 1956, hệ thống căn cứ kháng chiến tiếp tục được mở rộng và củng cố vững chắc: Khu 7 có chiến khu Đ và căn cứ Bắc Tây Ninh; Khu 8 có căn cứ Đồng Tháp Mười; Khu 9 có căn cứ U Minh Thượng và U Minh Hạ. Ngoài ra, hầu hết các tỉnh đều xây dựng hệ thống căn cứ địa làm nơi đứng chân cho lực lượng quân, chính, đảng tại chỗ. Trước sự phát triển nhanh chóng của hệ thống căn cứ, Xứ ủy Nam Bộ “Đòi hỏi công tác bảo đảm hậu cần, tài chính phải phát triển tương ứng” [11, tr.94].

Công tác hậu cần và tài chính phải được tổ chức đồng bộ, nhằm bảo đảm nhu cầu ngày càng cao về lương thực, thực phẩm, thuốc men và đạn dược.

Tại các căn cứ kháng chiến trên toàn chiến trường Nam Bộ, song song với việc xây dựng và củng cố phòng tuyến chiến đấu, các phong trào thi đua “tăng gia sản xuất”, “sản xuất tự túc”, “tự lực cánh sinh” được phát động nhằm xây dựng, phát triển nền kinh tế kháng chiến.

Tháng 6 năm 1956, Bộ Chính trị họp để ra chủ trương: “Phải nắm vững phương châm khéo công tác, khéo che giấu lực lượng, khéo kết hợp, nửa hợp pháp với không hợp pháp, tranh thủ quần chúng hòa với quần chúng để có thể bảo tồn cơ sở, tích trữ lực lượng, trường kỳ tồn tại”¹². Tiếp đó, Xứ ủy Nam Bộ ra Nghị quyết: “Những vùng đồng bằng đông dân có khả năng chuyển thành vùng căn cứ phải có kế hoạch cụ thể và tiến hành từng bước. Kế hoạch chuyển những vùng này trở thành những vùng căn cứ không thể tách rời, đẩy mạnh phong trào nông thôn” [13, tr.183-184]; đồng thời đề ra 4 biện pháp: (1) Đẩy mạnh tăng gia sản xuất, chăn nuôi, giao thương buôn bán; (2) Tiến hành khai thác lâm thổ sản; (3) Chủ động tấn công địch để thu vũ khí, đạn dược, phương tiện chiến tranh; (4) Tiến hành công tác binh vận để thu phục lực lượng vũ trang các giáo phái Cao Đài, Hòa Hảo, Bình Xuyên, kể cả binh lính chính quyền Sài Gòn.

Từ tư tưởng chỉ đạo chung, trên toàn chiến trường Nam Bộ đẩy lên các phong trào “tăng gia sản xuất” “đảm bảo tự túc lương thực thực phẩm” “khai thác tài nguyên rừng, biển”, “quán triệt tư tưởng tiến công, chủ động tiến công địch”, “4 được, 3 có”^b, “đi đâu sản xuất đó, có đất - có ăn, không người - tăng người” [13, tr.183-184].

Ở miền Đông Nam Bộ đã hình thành hai khu vực hậu cần lớn có các cơ sở sản xuất tự túc, kho dự trữ, bệnh xá quân y được xây dựng tại chiến khu Đông Bắc (chiến khu Đ mở rộng) và chiến khu Tây Bắc (chiến khu Dương Minh Châu mở rộng). Tại các khu vực hậu cần, lực lượng quân, chính, đảng đã tổ chức các khu vực sản xuất, chăn nuôi, “nông binh trại”, trồng tía các loại rau màu, khoai mì, lúa...; lập các tổ, đội săn bắt, đánh cá, khai thác lâm sản. Ngoài ra, lực lượng vũ trang chủ động tấn công địch, điển hình trận chiến ở sở cao su Bến Cùi tỉnh Tây Ninh, thu một triệu đồng, hai xe vận tải, một số súng, gạo, vải, thuốc chữa bệnh (03/4/1957); trận Minh Thạnh tỉnh Thủ Dầu Một thu hai triệu đồng, nhiều vũ khí, đạn dược (10/8/1957); trận Trại Be tỉnh Biên Hòa, thu 30 súng và nhiều xe cơ giới (18/9/1957); trận Dầu Tiếng tỉnh Thủ Dầu Một, thu 100 súng và hai triệu đồng (10/10/1958).

^b 4 được: mua được, vận chuyển được, bảo quản được, sử dụng được. 3 có: có dân, có chỗ đứng, có vật chất.

Ở Trung, Tây Nam Bộ, các cơ sở hậu cần được xây dựng tại các chiến khu U Minh, Năm Căn, Đồng Tháp Mười; lực lượng quân, chính, đảng “đều tổ chức sản xuất, chăn nuôi để tự túc lương thực. Các đơn vị còn săn bắt, đánh cá và các loại sản phẩm khác từ rừng. Phần lớn sản phẩm khai thác được sử dụng cho nhu cầu hàng ngày, phần còn lại được đem bán để tạo nguồn tiền thu mua gạo, muối và các nhu yếu phẩm khác”¹⁴. “Số khác tùy điều kiện và hoàn cảnh cụ thể được cài vào các lực lượng vũ trang giáo phái hoặc trở về gia đình quê hương bám đất, bám dân tạo thế hợp pháp sinh sống chờ thời cơ” [¹⁵, tr.118]. Ngoài ra, lực lượng vũ trang còn chủ động tổ chức tấn công địch, điển hình như trận Hậu Bối, quận Phước Long, Cà Mau thu 12 súng các loại (1/1957); trận Loan Mỹ, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long thu toàn bộ vũ khí của một trung đội bảo an (1957).

Có thể khẳng định, dưới sự lãnh đạo của Xứ ủy, quân, chính, đảng các cấp đã làm tốt công tác chính trị tư tưởng, do vậy, hậu cần kháng chiến ở Nam Bộ đã hoàn thành tốt nhiệm vụ, cung cấp đầy đủ tài lực, vật lực để lực lượng kháng chiến vượt qua thời kỳ khó khăn gian khổ để tiến tới Đông Khởi năm 1960. Trung ương Cục đã đánh giá: “Các hoạt động hậu cần như tự túc lương thực (trung bình là 6 tháng, phong trào lạc quyền ủng hộ cách mạng đã diễn ra sôi nổi ở khắp các vùng”¹⁴.

Đánh giá công tác chính trị tư tưởng trên chiến trường Nam Bộ trong giai đoạn đầu của cuộc kháng chiến chống Mỹ

Thành công

Giai đoạn 1954-1960, cách mạng miền Nam bước vào một giai đoạn mới với kẻ thù mới nham hiểm và thâm độc hơn. Ở miền Nam Việt Nam, đồng đó là Mỹ ồ ạt đổ vào, “hứa hẹn” một cuộc sống xa hoa sắp diễn ra; nếu ai không theo, chính quyền Sài Gòn sẽ thanh trừng bằng chiến dịch “tố cộng, diệt cộng”, cảnh chết chóc, tù đầy đang chờ đón những người yêu nước theo chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, buộc người dân miền Nam Việt Nam phải lựa chọn “phe”! Bối cảnh lịch sử trên đặt ra nhiệm vụ quan trọng cho công tác chính trị tư tưởng của Đảng, của chính quyền cách mạng, làm sao để quân, dân, chính, đảng hiểu rõ âm mưu thâm độc của kẻ thù, hiểu được đường lối cách mạng của Đảng, tính ưu việt của chế độ Dân chủ Nhân dân mà cả nước đang bảo vệ, xây dựng, phát triển. Do vậy, trong những năm đầu của cuộc kháng chiến chống Mỹ, công tác chính trị tư tưởng của Đảng, của chính quyền cách mạng hướng đến ba nhiệm vụ chính, gồm: chuyển quân - tập kết; xây dựng lực lượng vũ trang; xây dựng nền kinh tế kháng chiến.

Đối với việc chuyển quân - tập kết, thực tiễn công tác chính trị tư tưởng của Đảng, của chính quyền cách

mạng có ý nghĩa quan trọng trong việc làm thông suốt nhận thức, ổn định tư tưởng của cán bộ, chiến sĩ, đồng bào, học sinh miền Nam - những người tập kết ra Bắc và những người được chọn ở lại. “Đi vinh quang, ở lại anh dũng” không đơn thuần chỉ là một câu khẩu hiệu, một biểu ngữ, mà đó là kết quả của nhận thức về trách nhiệm, về nhiệm vụ mà Đảng và nhân dân tin tưởng, giao phó.

Đối với việc xây dựng lực lượng vũ trang, thực tiễn chiến trường Nam Bộ cho thấy, công tác chính trị tư tưởng của Đảng, của chính quyền cách mạng đã góp phần làm cho đường lối cách mạng của Đảng thấm sâu vào đời sống của quần chúng, tạo tiền đề để nhân dân Nam Bộ xây dựng lực lượng vũ trang, đặc biệt là hoạt động cảm hóa, tranh thủ, lôi kéo lực lượng vũ trang các giáo phái Cao Đài, Hòa Hảo, Bình Xuyên đứng về phía cách mạng, tham gia cách mạng. Do vậy, từ năm 1956, hàng loạt đơn vị vũ trang cách mạng đã xuất hiện ở Nam Bộ. Trên cơ sở đó, lực lượng vũ trang ba thứ quân dần dần hình thành, gồm: bộ đội chủ lực; bộ đội địa phương; dân quân, tự vệ.

Dù trong những năm đầu của cuộc kháng chiến chống Mỹ, lực lượng vũ trang cách mạng mới chỉ hỗ trợ cho phong trào đấu tranh chính trị; tuy nhiên các hoạt động “tự bảo vệ”, “tự trang bị”, “hỗ trợ cho phong trào đấu tranh chính trị” chính là tiền đề để lực lượng vũ trang Nam Bộ trở thành “đòn xeo” trong phong trào Đông Khởi năm 1960 và trong các giai đoạn lịch sử tiếp theo.

Đối với việc xây dựng nền kinh tế kháng chiến, thực tiễn công tác chính trị tư tưởng của Đảng, của chính quyền cách mạng có ý nghĩa quan trọng trong việc động viên, khích lệ lực lượng quân, chính, đảng vượt qua khó khăn, gian khổ, sự vây ráp của kẻ thù để bước đầu xây dựng nền kinh tế kháng chiến, biến chiến trường Nam Bộ thành hậu phương trực tiếp. Trung ương Cục hạn xét công tác kinh tế - tài chính của ta trong những năm qua “đã đạt được một số thành tích đáng kể, sản xuất lương thực có tăng”¹⁶.

Có thể khẳng định, trong những năm đầu của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, công tác chính trị tư tưởng của Đảng và chính quyền cách mạng đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận. Thông qua nhiều hình thức tuyên truyền, giáo dục, vận động và động viên quần chúng, công tác tư tưởng đã góp phần nâng cao nhận thức cho cán bộ, chiến sĩ và nhân dân về âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù, cũng như về đường lối cách mạng đúng đắn của Đảng. Nhờ đó, tinh thần cách mạng được củng cố, mọi người đều phấn khởi, sẵn sàng nhận và hoàn thành tốt nhiệm vụ, vượt qua khó khăn, thử thách vì mục tiêu độc lập, thống nhất đất nước.

Hạn chế

Trong quá trình chuyển quân, tập kết và thực hiện Hiệp định Genève, Đảng đã ban hành các chủ trương cụ thể về việc chuyển quân, tập kết và chuyển giao khu vực. Tuy nhiên, công tác chính trị tư tưởng do Đảng và chính quyền cách mạng tiến hành gặp không ít khó khăn do đội ngũ cán bộ thực hiện vừa thiếu về số lượng, vừa thiếu kinh nghiệm. Điều này dẫn đến việc tuyên truyền, lý giải về tiêu chuẩn lựa chọn người đi tập kết và người ở lại tiếp tục kháng chiến tại chiến trường còn nhiều hạn chế, chưa thực sự thuyết phục. Trung ương Cục miền Nam đánh giá rằng: “Trong thời gian qua, tất cả cán bộ, chiến sĩ, nhân viên đều đã được học tập, tư tưởng, nhận thức được nâng cao, thấy được tình hình, hiểu được nhiệm vụ và vui vẻ, phấn khởi đi tập kết; nhưng nhìn chung, vẫn chưa khắc phục triệt để mọi nhận thức, tư tưởng sai lầm” [13, tr.25].

Nguyên nhân dẫn đến “nhận thức tư tưởng sai lầm” nêu trên được thể hiện rõ nét thông qua các tổ chức đảng, chính quyền chỉ tập trung vào các mặt công tác chính, không để ý đến việc củng cố tổ chức và đội ngũ cán bộ, đặc biệt là đội ngũ cán bộ làm công tác chính trị tư tưởng cách mạng vừa thiếu vừa yếu.

Trong quá trình xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng, công tác chính trị tư tưởng do Đảng và chính quyền cách mạng triển khai gặp muôn vàn khó khăn dưới sức ép của đế quốc Mỹ, chính quyền Sài Gòn và các thế lực giáo phái như Cao Đài, Hòa Hảo, Bình Xuyên. Những thách thức này đã bộc lộ một số hạn chế cơ bản trong công tác giáo dục chính trị tư tưởng thời kỳ đầu.

Thứ nhất, công tác giáo dục giác ngộ giai cấp còn hạn chế, khiến một bộ phận nhân dân nhận thức chậm trong việc xác định rõ kẻ thù. Trong khi đó, việc nhận diện kẻ thù là điều kiện tiên quyết để quán triệt sâu sắc đường lối và nhiệm vụ cách mạng.

Thứ hai, trong nội bộ lực lượng vũ trang, tồn tại khuynh hướng tư tưởng đánh giá quá cao sức mạnh quân sự - kỹ thuật của kẻ thù, từ đó nảy sinh tâm lý e dè, ngại sử dụng bạo lực cách mạng. Trong bối cảnh chính quyền Sài Gòn đẩy mạnh chiến dịch “tổ cộng, diệt cộng” và thi hành Luật 10/59 một cách khốc liệt, công tác chính trị tư tưởng của Đảng và chính quyền cách mạng vẫn chủ yếu tập trung vào phát động phong trào đấu tranh chính trị. Mãi đến năm 1959, Đảng mới cho phép triển khai đấu tranh vũ trang, nhưng chỉ với vai trò hỗ trợ cho đấu tranh chính trị. Sự thận trọng, do dự trong phát động và tổ chức bạo lực cách mạng đã phần nào làm giảm hiệu quả của công tác chính trị tư tưởng trong lực lượng vũ trang, ảnh hưởng đến quá trình phát triển lực lượng và khả năng chiến đấu trong giai đoạn đầu.

Thứ ba, những năm đầu của cuộc kháng chiến chống Mỹ, công tác chính trị tư tưởng chưa được chú trọng đúng mức trong việc xây dựng lực lượng dân quân du kích và tự vệ. Điều này dẫn đến sự mất cân đối trong cơ cấu lực lượng vũ trang ba thứ quân. Đặc biệt, việc phổ biến và quán triệt đường lối cách mạng của Đảng đến lực lượng vũ trang địa phương cấp xã, phường còn thiếu hiệu quả. Hệ quả là trình độ nhận thức chính trị của lực lượng du kích, tự vệ về đường lối cách mạng còn hạn chế, ảnh hưởng đến tinh thần chiến đấu và hiệu quả hoạt động của lực lượng vũ trang ở cơ sở.

Đối với việc xây dựng nền kinh tế kháng chiến, sau chín năm kháng chiến trường kỳ chống Pháp giành thắng lợi, cũng như các vùng khác trên cả nước, đời sống kinh tế của nhân dân Nam Bộ vẫn còn rất khó khăn. Tình hình đó đặt ra yêu cầu cấp bách đối với công tác chính trị tư tưởng trong việc xây dựng nền kinh tế kháng chiến theo phương châm tự túc, tự lực cánh sinh.

Mặc dù nền kinh tế kháng chiến chủ yếu dựa vào sức dân, song công tác chính trị tư tưởng đối với quần chúng nhân dân lại chưa được chú trọng đúng mức. Trung ương Cục từng đánh giá: “Công việc tuyên truyền giải thích cho đồng bào về tình hình và nhiệm vụ mới, về đường lối đấu tranh sắp tới, về chính sách của Hồ Chủ tịch, Đảng và Chính phủ, về âm mưu của đế quốc Mỹ, hiểu chiến Pháp và bè lũ tay sai của chúng ta còn quá kém” [4, tr.22].

Bên cạnh đó, công tác chính trị tư tưởng thời điểm này mới chỉ tập trung vào việc thúc đẩy sản xuất tự túc trong nội bộ các cơ quan và lực lượng vũ trang [16], mà chưa quan tâm đúng mức đến hoạt động sản xuất của nhân dân. Do đó, các chính sách kinh tế kháng chiến của Đảng chưa được truyền đạt và triển khai hiệu quả trong thực tiễn chiến trường Nam Bộ.

KẾT LUẬN

Công tác chính trị tư tưởng trên chiến trường Nam Bộ trong những ngày đầu kháng chiến chống Mỹ đã khẳng định vai trò đặc biệt quan trọng trong việc duy trì và phát huy sức mạnh tinh thần của quân và dân, tạo nền tảng cho những thắng lợi bước đầu trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Từ sau khi Hiệp định Genève được ký kết (1954) cho đến năm 1960, công tác chính trị tư tưởng đã có những đóng góp thiết thực trong các nhiệm vụ trọng yếu như chuyển quân, tập kết, chuyển giao khu vực, xây dựng lực lượng vũ trang và phát triển nền kinh tế kháng chiến. Nội dung trọng tâm của công tác này là vạch trần âm mưu và thủ đoạn của kẻ thù; tuyên truyền, phổ biến đường lối cách mạng của Đảng và Nhà nước; đồng thời tổ chức giáo dục chính trị tư tưởng nhằm thống nhất nhận thức và ý chí trong toàn

hệ thống chính trị, từ lực lượng vũ trang đến các tầng lớp nhân dân.

Chính nhờ những nỗ lực đó, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng và con đường cách mạng đã được củng cố sâu sắc, giúp quân và dân miền Nam vượt qua nhiều khó khăn, thử thách, đạt được những kết quả quan trọng trong giai đoạn đầu của cuộc kháng chiến.

Mặc dù trong quá trình triển khai vẫn còn tồn tại một số hạn chế nhất định, song không thể phủ nhận rằng công tác chính trị tư tưởng đã giữ vai trò then chốt trong việc củng cố bản lĩnh chính trị, tinh thần kiên cường và sức mạnh đoàn kết của quân, dân, chính quyền và tổ chức Đảng. Đây chính là một trong những nhân tố quan trọng góp phần vào thắng lợi chung của sự nghiệp kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược trong các giai đoạn tiếp theo.

LỜI CẢM ƠN

Nghiên cứu được tài trợ bởi Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh trong khuôn khổ đề tài mã số C2024-18b-07.

XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Bản thảo không có xung đột lợi ích.

ĐÓNG GÓP CỦA TÁC GIẢ

Bài viết là sản phẩm nghiên cứu của tác giả về công tác chính trị tư tưởng của Đảng trên chiến trường Nam Bộ trong những năm tháng đầu của cuộc kháng chiến chống Mỹ (1954-1960). Qua phân tích về công tác này trên chiến trường Nam Bộ, bài viết đã cung cấp cho người đọc thấy rõ vai trò của công tác chính trị tư tưởng trên ba phương diện chính: công tác chuyển quân, công tác xây dựng lực lượng vũ trang tập kết và công tác xây dựng nền kinh tế kháng chiến.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Đảng Cộng sản Việt Nam. Văn kiện Đảng toàn tập. vol. 15. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia; 1960.

- Bộ Thông tin chính phủ Việt Nam Cộng Hòa. Báo cáo "Thành tích 4 năm hoạt động của chính phủ Việt Nam Cộng Hòa". Sài Gòn; 1958.
- Manhattan A. Vietnam: Why Did We Go? California: Chick Publication; 1984.
- Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam. Văn kiện Trung ương Cục miền Nam giai đoạn 1946 - 1975. 10/1954 - 1956;6(10):1954-1956.
- Bộ Chính trị. Nghị quyết ngày 8,9,12/6/1956 về tình hình, nhiệm vụ và công tác miền Nam: Tài liệu lưu trữ số C25a, ST12. 1956;.
- Đề cương Báo cáo tổng kết kinh nghiệm cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước trên chiến trường Nam Bộ và Cục Nam Trung Bộ (B2). Tài liệu lưu trữ số: VL2. 1232/2. Phòng Khoa học công nghệ và Môi trường Quân khu. Ban Tổng kết Chiến tranh B2. 1979;.
- Văn phòng Phủ Tổng thống Đệ nhất Cộng hòa. Hồ sơ chiến dịch binh định miền Tây Nam Việt. Tài liệu lưu trữ số 4004. 1955;.
- Xứ ủy Nam Bộ. Nghị quyết lần thứ 4 tháng 11/1959 về việc quán triệt Nghị quyết Trung ương lần thứ 15, đánh giá tình hình mới và đề ra chủ trương mới. Tài liệu lưu trữ số 7.924. Phòng Tư liệu (Ban Tổng kết Chiến tranh B2). 1959;.
- Bộ Chính Trị. Nghị quyết tháng 6/1956 về Phương châm, nhiệm vụ chung và công tác cụ thể của ta ở miền Nam. Bộ Quốc phòng: Tài liệu lưu trữ số 7928 Phòng tư liệu Ban Tổng kết Chiến Tranh B2. 1956;.
- Pike D. Viet cong - the organization and techniques of the national liberation front of South Vietnam. England: The M.I.T press Massachusetts Institute of Technology Cambridge, and London; 1996.
- Câu lạc bộ truyền thống kháng chiến, Ban Kinh tế - Tài chính Trung ương Cục miền Nam Việt Nam. Lịch sử Ban Kinh tế - Tài chính Trung ương Cục miền Nam trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 - 1975). 2007;.
- Đảng Cộng sản Việt Nam. Văn kiện Đảng toàn tập. vol. 21. Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia; 2001.
- Bộ Tư lệnh Quân khu 7. Lịch sử ngành tài chính Quân khu 7 (1947 - 2013). 2013;.
- Bộ. Xứ ủy Nam Bộ. Báo cáo tổng kết công tác lãnh đạo xây dựng, phát triển kinh tế - tài chính kháng chiến. Phòng Trung ương Cục; Tài liệu lưu trữ số C25a, ST1. Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương. 1958;.
15. Bộ Tư lệnh khu 9. Lịch sử hậu cần lực lượng vũ trang nhân dân Đồng bằng Sông Cửu Long (1945 - 1975). 1998;.
16. Trung ương Cục miền Nam. Báo cáo công tác hậu cần trên chiến trường Nam Bộ năm 1959. Phòng Trung ương Cục; Tài liệu C25a, ST1 lưu trữ tại Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng; 1959.

The political and ideological work on the Southern battlefield during the early stage (1954-1960) of the resistance war against US aggression for national liberation

Nguyen Thi Phuong*



Use your smartphone to scan this QR code and download this article

ABSTRACT

Political and ideological work is an integral part of the Party organization, government and mass organizations in Vietnam's political system. This work is related to safeguarding, developing and disseminating the Party's and State's ideology, guidelines, policies and laws, thereby raising public awareness, political consciousness, and unity essential for the revolutionary success. The article focuses on clarifying the role and impact of this work in the Southern battlefield during the early stage (1954-1960) of the resistance war against the US, a period marked by challenges in terms of strategies, forces, and beliefs. In this context, political and ideological work served not only as an ideological guide, but also as a tool for organizing revolutionary action, while motivating the masses and contributing to strengthening solidarity to create collective strength for the revolutionary cause. The article develops three main arguments:

Firstly, it provides an overview of the Southern battlefield's early conditions of the resistance war against the US and the demands for political and ideological work.

Secondly, it clarifies the role of political and ideological work in mobilizing forces for three key tasks in the early stage of the resistance war against the US to save the country: troops transferring and regrouping; armed forces development; resistance economy construction considering historical advantages and disadvantages.

Thirdly, it evaluates the successes and limitations of the political and ideological work by the army, people, government and Party in the Southern region in the early stage (1954-1960) of the resistance war against the US.

Key words: Political and ideological work of the Vietnam Labor Party, South Vietnam, resistance war against US aggression for national liberation

University of Social Sciences and Humanities, VNUHCM, Vietnam

Correspondence

Nguyen Thi Phuong, University of Social Sciences and Humanities, VNUHCM, Vietnam

Email: nguyenphuong@hcmussh.edu.vn

History

- Received: 05-03-2025
- Revised: 13-08-2025
- Accepted: 05-11-2025
- Published Online: 16-06-2026

DOI : <https://doi.org/10.32508/vnuhcmjssh.v10i2.1130>



Copyright

© VNUHCM Press. This is an open-access article distributed under the terms of the Creative Commons Attribution 4.0 International license.



Cite this article : Phuong N T. **The political and ideological work on the Southern battlefield during the early stage (1954-1960) of the resistance war against US aggression for national liberation.** *VNUHCMJ. Soc. Sci. Humanit.* 2026; 10(2):3690-3698.